

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 8 - 2020

V/v **tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình ly hôn**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang Thanh

Bà Bùi Thị Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tuyết Nga

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2020 về **tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu E, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, tổ C, ấp D, xã E, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Số điện thoại: 0939 927 121.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tùng T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X, đường Y, tổ Z, ấp T, xã R, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Trần Thị Thu E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị E, anh T tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2003 âm lịch, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2007.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, có hành vi bạo lực gia đình. Chị E không yêu cầu xử lý hành vi bạo lực gia đình đối với anh T, đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn gửi đến Tòa án, sau đó rút

đơn khởi kiện để cho nhau cơ hội, tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng và Tòa án đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không cải thiện được, hôn nhân không thể kéo dài và cũng không thể hàn gắn được nữa. Vì vậy, chị E yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Thu, sinh ngày 18/7/2005, Nguyễn Thị Thu Thùy, sinh ngày 24/10/2009, hiện nay hai con đang sống chung với chị E. Chị E yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị E xác định vợ chồng có nhà và đất tại địa chỉ số nhà 21, đường số 3, tổ 4, ấp Tân Dân, xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nhưng vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai.

Anh Nguyễn Tùng T không có văn bản ghi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu E.

Hai con chung Nguyễn Thị Cẩm Thu và Nguyễn Thị Thu Thùy có văn bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng được sống chung với chị Trần Thị Thu E.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa dân sự Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Tùng T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân và gia đình: Chị E và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T có hành vi bạo lực gia đình nên chị E đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn. Sau đó, chị E rút đơn khởi kiện để vợ chồng tìm cách hàn gắn tình cảm và

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh ban hành Quyết định đình chỉ số 83/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/10/2019. Tuy nhiên, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, ngược lại mâu thuẫn trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị E không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và xin ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Thu, sinh ngày 18/7/2005, Nguyễn Thị Thu Thùy, sinh ngày 24/10/2009, hiện nay đang sống chung với chị E.

Xét thấy, chị E yêu cầu được nuôi hai con chung phù hợp với nguyện vọng của hai con chung Cẩm Thu và Thu Thùy có văn bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng được sống chung với chị E là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T không có ý kiến trình bày về yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị E.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị E xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến trình bày về tài sản chung, không yêu cầu chia tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị E xác định vợ chồng không có nợ chung. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến trình bày về nợ chung, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu E.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu E được ly hôn với anh Nguyễn Tùng T.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị Thu E được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Thu, sinh ngày 18/7/2005, Nguyễn Thị Thu Thùy, sinh ngày 24/10/2009, hiện nay đang sống chung với chị E.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xét giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu E phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị E đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo các Biên lai thu số **0001523 ngày 26/02/2020** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị E đã nộp xong tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP Cao Lãnh;
- TA Tỉnh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Kim Oanh**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Văn Kiều – Bùi Văn Dũng**

**Huỳnh Kim Oanh**